

NGHỊ QUYẾT

**Về giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức
hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và
Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của
Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp
công lập;*

*Thực hiện Quyết định số 1940-QĐ/BTCTW ngày 21 tháng 6 năm 2023
của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Tây Ninh năm 2023;*

*Xét Tờ trình số 2069/TTr-UBND ngày 05 tháng 07 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức
hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp
chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính và giao biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2023, cụ thể như sau:

1. Giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính năm 2023 là **1.791** biên chế.

2. Giao biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2023 là **17.011** người, giảm **186** người so với năm 2022, trong đó:

- a) Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo: **14.733** người;
- b) Sự nghiệp Y tế: **1.398** người;
- c) Sự nghiệp Văn hóa: **374** người;
- d) Sự nghiệp khác: **506** người.

(Kèm theo Danh sách giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2023)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh thủ tục, quyết định giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2023 theo Điều 1 của Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa X, Kỳ họp thứ 8 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tỉnh;
- TT HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VP.ĐĐBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Tâm

DANH SÁCH
GIAO BIÊN CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
HƯỜNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 105 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Biên chế cán bộ, công chức	Biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập						Ghi chú
			Tổng cộng	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp văn hóa	Sự nghiệp khác	Bổ sung biên chế giáo viên	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+ (7)+(8)+(9)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Tổng số	1,791	17,011	14,666	1,398	374	506	67	
I	Cấp tỉnh	969	4,251	2,195	1,398	247	411	0	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	44	1,965	1,965					Tăng 151 biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo
2	Sở Y tế	53	1,429	31	1,398				Giảm 662 biên chế sự nghiệp y tế
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	159	196				196		
4	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	41	141			138	3		
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	39							
6	Sở Xây dựng	36							
7	Sở Khoa học và Công nghệ	35	26				26		Giảm 01 biên chế sự nghiệp khác
8	Sở Tư pháp	27	21				21		
9	Sở Tài chính	55							
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	55	15				15		
11	Sở Giao thông Vận tải	63	9				9		
12	Sở Công thương	36	17				17		
13	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	48	214	199			15		
14	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	32							
15	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	58	14				14		
16	Sở Nội vụ	70	10				10		
17	Sở Thông tin và Truyền thông	26	20				20		Tăng 01 biên chế sự nghiệp khác
18	Sở Ngoại vụ	20	0						
19	Thanh tra tỉnh	31	0						
20	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	41	0						
21	Ban Quản lý Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát		48				48		
22	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh		90			90			
23	Ban Quản lý các khu Di tích lịch sử Cách mạng miền Nam		23			19	4		Tăng 02 biên chế sự nghiệp văn hoá
24	Trung tâm Học tập, sinh hoạt thanh thiếu nhi		13				13		Tăng 05 biên chế sự nghiệp khác
II	Cấp huyện	822	12,760	12,471		127	95	67	
1	Huyện Bến Cầu	91	918	894		13	9	2	Tăng 32 biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo và bổ sung 02 biên chế giáo viên

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Biên chế cán bộ, công chức	Biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập					Bổ sung biên chế giáo viên	Ghi chú
			Tổng cộng	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp văn hóa	Sự nghiệp khác		
2	Huyện Châu Thành	91	1,745	1,709		14	9	13	Tăng 132 biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo và bổ sung 13 biên chế giáo viên
3	Huyện Dương Minh Châu	91	1,322	1,297		14	9	2	Tăng 04 biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo và bổ sung 02 biên chế giáo viên
4	Huyện Gò Dầu	91	1,448	1,406		16	15	11	Tăng 14 biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo, tăng 01 biên chế sự nghiệp văn hoá, tăng 05 biên chế sự nghiệp khác và bổ sung 11 biên chế giáo viên
5	Thị xã Hòa Thành	92	1,462	1,428		14	15	5	Tăng 06 biên chế sự nghiệp khác và bổ sung 05 biên chế giáo viên
6	Huyện Tân Biên	91	1,234	1,201		14	9	10	Giảm 22 biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo và bổ sung 10 biên chế giáo viên
7	Huyện Tân Châu	91	1,556	1,526		14	9	7	Tăng 86 biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo và bổ sung 07 biên chế giáo viên
8	Thành phố Tây Ninh	92	1,509	1,479		14	10	6	Tăng 15 biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo và bổ sung 06 biên chế giáo viên
9	Thị xã Trảng Bàng	92	1,566	1,531		14	10	11	Bổ sung 11 biên chế giáo viên